

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN ĐỨC HÙNG

**NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN
TỤC TẠI PHIÊN TÒA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ
VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Hình sự

Mã số: 60 38 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2012

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Ngọc Chí

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 20....

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU..... 1

**CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC
XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA**....6

1.1. Khái niệm “xét xử trực tiếp”, “xét xử bằng lời nói” và “xét xử liên tục” tại
phiên tòa.....6

1.1.1. Xét xử trực tiếp.....6

1.1.2. Xét xử bằng lời nói..... 11

1.1.3. Xét xử liên tục..... 12

1.2 Cơ sở lý luận và thực tiễn của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên
tục tại phiên tòa.....14

1.2.1. Cơ sở lý luận..... 14

1.2.2. Cơ sở thực tiễn..... 19

1.3. Ý nghĩa của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa
phiên tòa..... 23

1.4. Sơ lược về sự hình thành và phát triển của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng
lời nói và liên tục tại phiên tòa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam..... 25

1.4.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến trước khi BLTTHS 1988 có
hiệu lực thi hành..... 25

1.4.2. Giai đoạn từ khi BLTTHS 1988 có hiệu lực thi hành đến nay..... 32

1.5. Sự thể hiện của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên
tòa trong Pháp luật tố tụng hình sự trên thế giới..... 35

1.5.1. Nguyên tắc xét xử trực tiếp và nguyên tắc xét xử bằng lời nói..... 35

1.5.2. Nguyên tắc xét xử liên tục..... 40

CHƯƠNG 2: NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BĂNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT

NAM.....	42
2.1. Nội dung, phạm vi và yêu cầu của nguyên tắc xét xử trực tiếp, băng lời nói và liên tục tại phiên tòa	43
2.1.1. Nội dung nguyên tắc	43
2.1.2. Phạm vi của nguyên tắc	49
2.1.3. Yêu cầu của nguyên tắc	54
2.2. Một số nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự có liên quan đến nguyên tắc xét xử trực tiếp, băng lời nói và liên tục tại phiên tòa.....	56
2.2.1. Nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án.....	56
2.2.2. Nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.....	58
2.2.3. Nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật	60
2.2.4. Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án.	62
2.2.5 Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.....	63
2.2.6 Nguyên tắc xét xử công khai.....	64
2.2.7. Nguyên tắc tiếng nói và chữ viết dùng trong tố tụng hình sự.....	65
2.3. Một số quy định bảo đảm thực hiện nguyên tắc xét xử trực tiếp, băng lời nói và liên tục tại phiên tòa	66
2.3.1. Sự có mặt của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại phiên tòa.....	66
2.3.2. Giới hạn của việc xét xử (Điều 196 BLTTHS 2003).....	68
2.3.3. Biên bản phiên tòa (Điều 200 BLTTHS 2003).....	69
2.4. Các quy định liên quan đến nguyên tắc xét xử trực tiếp, băng lời nói và liên tục tại phiên tòa hình sự sơ thẩm và phiên tòa hình sự phúc thẩm	70
2.4.1. Phiên tòa hình sự sơ thẩm	70
2.4.2. Phiên tòa hình sự phúc thẩm	87

**CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC XÉT
XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA.....92**

3.1. Thực trạng thực hiện nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa.....	92
3.1.1.Những kết quả đạt được.....	92
3.1.2. Những hạn chế.....	95
3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa.....	101
3.2.1. Những nguyên nhân về lập pháp luật.....	101
3.2.2. Những nguyên nhân về thi hành pháp luật:.....	103
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa ...	107
3.3.1. Yêu cầu hoàn thiện nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa.....	107
3.3.2. Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa.....	109

KẾT LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHẦN MỞ ĐẦU

I. Tính cấp thiết của đề tài

Xét xử vụ án tại phiên tòa là giai đoạn quan trọng nhất, là trung tâm của TTHS. Trong giai đoạn này, với sự có mặt đầy đủ nhất của những người THPT và người TGTT, Tòa án sẽ tiến hành cuộc điều tra công khai, trực tiếp xem xét khách quan và đầy đủ nhất các chứng cứ của vụ án, làm sáng tỏ toàn bộ sự thật khách quan của vụ án và ra phán quyết giải quyết vụ án. Các phán quyết của Tòa án là nhân danh nhà nước, trực tiếp thể hiện thái độ của nhà nước đối với từng vụ án cụ thể, góp phần thể hiện bản chất của nhà nước và pháp luật; có hiệu lực pháp lý bắt buộc, tác động rất lớn đến quyền và lợi ích của các đương sự, đặc biệt là bị cáo – người đang là đối tượng của việc buộc tội. Đồng thời, thông qua hoạt động xét xử tại phiên tòa, tất cả những người có mặt tại phiên tòa có thể đánh giá được tính đúng, sai trong hành vi của bị cáo và những người có liên quan đến vụ án, cũng như của Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa.v.v..; nâng cao hiểu biết pháp luật, củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự nghiêm minh của pháp luật, đối với Đảng và nhà nước. Chính vì vậy, Tòa án phải có những phương pháp xét xử khoa học và hợp lý, theo những thủ tục chặt chẽ, để đảm bảo rằng *“xét xử phải chính xác, công minh trong việc vận dụng và áp dụng pháp luật... các bản án và quyết định sau khi xét xử của Tòa án không có kẽ hở, gây nghi ngờ về sự thiếu công bằng của pháp luật”*. [104, tr.82]

Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa quy định những phương pháp mà Tòa án (trực tiếp là HĐXX) có thể sử dụng để thực hiện những nội dung và nhiệm vụ của hoạt động xét xử. Do đó, những nội dung của nguyên tắc này sẽ quyết định đến trình tự, thủ tục xét xử, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của HĐXX, Kiểm sát viên, bị cáo và những người khác tham gia phiên tòa. Và vì vậy, việc quy định và thực hiện đúng đắn, hợp lý về nguyên tắc này sẽ quyết định đến tính dân chủ,

khách quan và chính xác của hoạt động xét xử tại phiên tòa; cũng như việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và nhà nước. Tuy nhiên, các quy định của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa và các quy định có liên quan, cũng như việc thực thi chúng trên thực tiễn vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, vướng mắc. Các quy định về nguyên tắc này (Điều 184 BLTTHS 2003) đã khiến HĐXX có trách nhiệm chính trong việc chứng minh, tích cực nhất trong việc xét hỏi, thẩm tra chứng cứ, không phù hợp với bản chất của chức năng xét xử, yêu cầu khách quan, trung lập và công bằng cần phải có của HĐXX; cũng như làm hạn chế sự chủ động, tích cực của các chủ thể thuộc bên buộc tội và gỡ tội tại phiên tòa. Mặt khác, nguyên tắc xét xử liên tục tại phiên tòa đã làm cho quá trình xét xử nhiều vụ án bị kéo dài một cách không cần thiết. Trong khi đó, tư tưởng “án tại hồ sơ” vẫn còn tồn tại, nhiều HĐXX chưa coi trọng đúng mức, không thực hiện chính xác các quy định và yêu cầu về việc xét hỏi, trực tiếp thẩm tra chứng cứ, điều khiển phiên tòa và lắng nghe ý kiến tranh luận của các bên tại phiên tòa, tác động tiêu cực đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động xét xử.

Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn của đề tài “*Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa trong Luật TTHS Việt Nam*” vẫn là một yêu cầu mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc.

II. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hiện nay, về *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa* vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và đầy đủ, mà chủ yếu nằm rải rác trong nội dung của các giáo trình, sách, các bài nghiên cứu đăng tải trên các báo, tạp chí như: *Bình luận Khoa học Bộ luật Tố tụng Hình sự*, PGS. TS Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, năm 2004; *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, năm 2004.v.v... Tuy nhiên, đa số các tài liệu nghiên cứu này mới chỉ đưa ra những nội dung và yêu cầu cơ bản nhất của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa; còn

những vấn đề lý luận và thực tiễn của nguyên tắc này vẫn chưa được nghiên cứu và làm sáng tỏ một cách đầy đủ và toàn diện. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu, làm sáng rõ các vấn đề liên quan đến nguyên tắc này là rất cần thiết về cả mặt lý luận và thực tiễn.

Chính vì vậy, việc chọn đề tài “*Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa trong Luật TTHS Việt Nam*” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sỹ luật học là rất có ý nghĩa, có thể phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu khoa học cũng như công tác thực tiễn.

III. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1. Mục đích nghiên cứu

- Luận văn sẽ làm sáng tỏ các vấn đề lý luận khoa học liên quan đến *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa*;
- Luận văn sẽ đưa ra những nhận định và đánh giá về thực tiễn thực hiện *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa*;
- Luận văn đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa*.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở các vấn đề lý luận và thực tiễn của *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa trong Luật TTHS Việt Nam*, luận văn sẽ đi sâu làm sáng tỏ các vấn đề sau:

- Các vấn đề lý luận chung của *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa* như: Khái niệm, cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn; ý nghĩa pháp lý và ý nghĩa chính trị - xã hội; nội dung, yêu cầu và phạm vi của nguyên tắc.
- Nội dung và sự thể hiện, những ưu điểm và hạn chế của *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa* trong các quy định của PLTTHS Việt Nam; cũng như quá trình áp dụng chúng trong thực tiễn.
- Làm rõ nguyên nhân của những hạn chế và vướng mắc trong việc thực hiện *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa*; đề ra một số kiến nghị nhằm khắc phục các hạn chế và vướng mắc đó, góp

phần nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện nguyên tắc này trong hoạt động xét xử vụ án hình sự tại phiên tòa.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn có đối tượng và phạm vi nghiên cứu như sau:

- Các vấn đề lý luận chung về *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa*.

- Tập trung vào các quy định của BLTTHS 2003 về *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa*, cũng như các quy định khác có liên quan trong thủ tục xét xử hình sự sơ thẩm và xét xử hình sự phúc thẩm.

- Thực tiễn áp dụng pháp luật liên quan đến *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa* trong hoạt động TTHS Việt Nam (từ khi BLTTHS 2003 có hiệu lực cho đến nay).

IV. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được những mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu nêu trên, luận văn sử dụng các phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khoa học khác như: So sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê, suy luận logic.v.v...

V. Những điểm mới và ý nghĩa của luận văn

1. Trong nội dung của luận văn có những điểm mới về khoa học như sau:

- Phân tích có hệ thống các quy định của pháp luật có liên quan đến *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa* trong Luật TTHS Việt Nam.

- Phát hiện những điểm chưa phù hợp trong quy định của *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa*, cũng như các quy định khác có liên quan; từ đó mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị về mặt lập pháp và thực thi pháp luật, để nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc thực hiện nguyên tắc này.

2. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn:

- Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể góp phần làm rõ thêm các quan điểm lý luận khoa học về *nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa* trong Luật TTHS Việt Nam;

- Ngoài ra luận văn còn có thể dùng làm tài liệu tham khảo, phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập khoa học Luật TTHS.

VI. Kết cấu luận văn.

Kết cấu của luận văn bao gồm: Lời nói đầu, 03 chương, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, cụ thể như sau:

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa;

- Chương 2: Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam

- Chương 3: Thực tiễn thực hiện và một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

1.1. KHÁI NIỆM “XÉT XỬ TRỰC TIẾP”, “XÉT XỬ BẰNG LỜI NÓI” VÀ “XÉT XỬ LIÊN TỤC” TẠI PHIÊN TÒA

1.1.1. Xét xử trực tiếp.

“Xét xử trực tiếp tại phiên tòa là phương pháp, cách thức tiến hành hoạt động xét xử được quy định trong Luật TTHS, theo đó Tòa án phải xác định các tình tiết của vụ án bằng cách trực tiếp kiểm tra các chứng và lắng nghe ý kiến của những người tham gia phiên tòa. Bản án của Tòa án chỉ được dựa trên các chứng cứ và ý kiến đã được trực tiếp xem xét tại phiên tòa.”

1.1.2. Xét xử bằng lời nói

“Xét xử bằng lời nói tại phiên tòa là cách thức, phương pháp tiến hành hoạt động xét xử được quy định trong Luật TTHS mà theo đó, Tòa án sử dụng lời nói làm phương tiện để trực tiếp xem xét, kiểm tra các chứng cứ, xác định các tình tiết của vụ án và ra phán quyết giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.”

1.1.3. Xét xử liên tục

“Xét xử liên tục tại phiên tòa là cách thức, phương pháp của hoạt động xét xử được quy định trong Luật TTHS mà theo đó, Tòa án phải liên tục tiến hành các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, từ khi bắt đầu đến khi xét xử xong đối với từng vụ án, trừ thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật. Các thành viên HĐXX phải tham gia xét xử liên tục, phải xét xử xong một vụ án mới có thể tham gia tố tụng đối với vụ án khác.”

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

1.2.1. Cơ sở lý luận

Quyền được xét xử công bằng, công khai và minh bạch trước một Tòa án có thẩm quyền của người bị buộc tội; quy luật của nhận thức biện chứng; yêu cầu về tính khách quan và chính xác của hoạt động xét xử; nhiệm vụ để bảo vệ vững chắc các quyền con người của Tòa án là cơ sở lý luận của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn

Vai trò và ý nghĩa trung tâm, quyết định; tính công khai, công bằng và đầy đủ, chính xác trong hoạt động chứng minh tại phiên tòa; việc bảo đảm tốt nhất các quyền và nghĩa vụ tố tụng của những người THTT và người TGTT của hoạt động xét xử tại phiên tòa; cũng như những hạn chế và nhược điểm của hoạt động điều tra, truy tố là những cơ sở thực tiễn của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa.

1.3. Ý NGHĨA CỦA NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa có những ý nghĩa pháp lý và chính trị - xã hội to lớn như: Ghi nhận những cách thức và phương pháp xét xử khoa học và biện chứng; Giúp những người tham gia phiên tòa có điều kiện tốt nhất, để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; đảm bảo cho việc thực hiện nhiều nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS; Tạo điều kiện cho những người tham gia dự phiên tòa có thể nắm bắt và nhớ đầy đủ diễn biến phiên tòa; Nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

1.4. SƠ LƯỢC VỀ SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.4.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến trước khi BLTTHS 1988 có hiệu lực thi hành.

Trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1960 xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục chưa được ghi nhận chính thức là những nguyên tắc của hoạt động xét xử tại phiên tòa. Tuy nhiên, những nội dung và yêu cầu của phương pháp xử trực tiếp và xét xử bằng lời nói tại phiên tòa đã được thể hiện trong nhiều quy phạm PLTTHS tại các văn bản pháp quy đơn hành. Trong khi đó, nguyên tắc xét xử liên tục tại phiên tòa lại chưa được quy định hay thể hiện trong PLTTHS ở giai đoạn này.

Ngày 27/9/1974 TANDTC đã ban hành Bản hướng dẫn về trình tự tố tụng sơ thẩm (kèm theo Thông tư số 16/TATC). Theo bản hướng dẫn này, những nội dung và yêu cầu nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa đã được hướng dẫn rất cụ thể.

1.4.2. Giai đoạn từ khi BLTTHS 1988 có hiệu lực thi hành đến nay

Trên cơ sở kế thừa các quy định của giai đoạn trước, nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa tiếp tục được ghi nhận tại Điều 159 BLTTHS 1988 và Điều 184 BLLHS 2003.

1.5. SỰ THỂ HIỆN CỦA NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRÊN THẾ GIỚI

1.5.1. Nguyên tắc xét xử trực tiếp và nguyên tắc xét xử bằng lời nói

Sự thể hiện của nguyên tắc xét xử trực tiếp và nguyên tắc xét xử bằng lời nói trong PLTTHS của các nước trên thế giới là rất đa dạng, có nhiều khác biệt, thậm chí là đối lập nhau: Có nước quy định trong một điều luật cụ thể (Điều 240 BLTTHS Liên Bang Nga) nhưng có nước lại chỉ được thể hiện trong các quy định về trình tự, thủ tục xét xử tại phiên tòa như: BLTTHS của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa năm 1979, BLTTHS nước Cộng Hòa Pháp, BLTTHS Nhật Bản.v.v... ; Hay những sự khác biệt, thậm chí đối lập trong phương pháp, cách thức xét xử trực tiếp và xét xử bằng lời nói tại phiên tòa của các nước theo hình thức tố tụng thẩm vấn (chủ yếu là ở các nước thuộc hệ thống luật Châu Âu lục địa) và các nước theo hình thức tố tụng tranh tụng (như Anh và Mỹ).

1.5.2. Nguyên tắc xét xử liên tục

Giống như nguyên tắc xét xử trực tiếp và nguyên tắc xét xử bằng lời nói tại phiên tòa, PLTTHS của các nước trên thế giới cũng có những quy định rất khác nhau về tính liên tục của hoạt động xét xử tại phiên tòa như Điều 307 và Điều 461 BLTTHS Cộng Hòa Pháp năm 1957; Điều 179 BLTTHS Thái Lan; Điều 645 BLTTHS Canada năm 1994; Điều 253 BLTTHS Liên Bang Nga năm 200; Điều 123 BLTTHS nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa năm 1979; Điều 160 BLTTHS Malaysia.v.v.....

CHƯƠNG 2

NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. NỘI DUNG, PHẠM VI VÀ YÊU CẦU CỦA NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

2.1.1. Nội dung nguyên tắc

* Nguyên tắc xét xử trực tiếp tại phiên tòa

Xét xử trực tiếp tại phiên tòa là việc HĐXX phải xác định các tình tiết của vụ án bằng phương pháp, cách thức trực tiếp xem xét, kiểm tra và đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ, tài liệu mới được bổ sung tại phiên tòa. Do đó, HĐXX sẽ không được sử dụng các chứng cứ chưa được trực tiếp xem xét tại phiên tòa, để ra bản án giải quyết vụ án, ngay cả khi những chứng cứ đó đã có trong hồ sơ vụ án.

Xét xử bằng lời nói chính là một cách thức để thực hiện việc xét xử trực tiếp. Ngược lại, xét xử trực tiếp sẽ không thể thực hiện được, nếu HĐXX và những người tham gia phiên tòa không sử dụng lời nói.

* Nguyên tắc xét xử bằng lời nói tại phiên tòa

HĐXX phải xác định các tình tiết của vụ án bằng cách hỏi và nghe ý kiến của bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người làm chứng, người giám định về các tình tiết và các vấn đề của vụ án. Trong trường hợp, người cần được xét hỏi vắng mặt tại phiên tòa thì HĐXX phải công bố lời khai của họ tại CQĐT. Bên cạnh đó, Tòa án còn phải nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia phiên tòa khác. Do đó, xét xử bằng lời nói là cách thức, phương pháp của xét xử trực tiếp.

Điều 184 BLTTHS 2003 chỉ yêu cầu *“bản án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa”* mà không yêu cầu HĐXX phải căn cứ vào ý kiến của những người tham gia phiên tòa để ra bản án.

Do đó, cần phải bổ sung quy định này theo hướng các ý kiến của những người tham gia phiên tòa là căn cứ để HĐXX ra bản án giải quyết vụ án.

*** Nguyên tắc xét xử liên tục tại phiên tòa**

HĐXX phải tiến hành việc xét xử đối với từng vụ án một cách liên tục, từ khi bắt đầu phiên tòa đến khi tuyên án, trừ thời gian nghỉ theo quy định (nghỉ trưa, nghỉ đêm, nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ.v.v.); Các thành viên HĐXX phải tiến hành xét xử xong vụ án này mới được tham gia tố tụng đối với vụ án khác. Tuy nhiên, quy định tại Điều 184 BLTTHS 2003 lại không thể hiện rõ ràng và cụ thể về nội dung này.

Chúng tôi cho rằng, cần bổ sung quy định về tạm ngừng phiên tòa trong các trường hợp như: thu thập thêm chứng cứ hoặc xác minh chứng cứ, giám định lại hoặc giám định bổ sung, hay triệu tập thêm nhân chứng.v.v.. mà những việc đó diễn ra trong thời gian ngắn, HĐXX và những người tham gia phiên tòa vẫn có thể nhớ được diễn biến phiên tòa.

2.1.2. Phạm vi của nguyên tắc

Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa được áp dụng đối với việc xét xử tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm (đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo hoặc kháng nghị). Còn đối với việc phúc thẩm những quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị; xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm và phiên tòa tái thẩm áp dụng phương pháp xét xử bút lục.

2.1.3. Yêu cầu của nguyên tắc

Tòa án mà trực tiếp là HĐXX chỉ có thể thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa, khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: Triệu tập và đảm bảo sự có mặt đầy đủ nhất của những người THPT và TGTT; Bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án của những người tham gia phiên tòa; Đảm bảo sự độc lập xét xử của Tòa án.v.v...

2.2. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

2.2.1. Nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án

2.2.2. Nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

2.2.3. Nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật

2.2.4. Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án

2.2.5. Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

2.2.6. Nguyên tắc xét xử công khai

2.2.7. Nguyên tắc tiếng nói và chữ viết dùng trong Tố tụng hình sự

2.3. MỘT SỐ QUY ĐỊNH BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

2.3.1. Sự có mặt của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại phiên tòa

Các quy định của BLTTHS 2003 về sự có mặt của những người TGGT tại phiên tòa còn có nhiều hạn chế, một số quy định mang tính chất tùy nghi; không có quy định về việc tham gia phiên tòa của Điều tra viên. Vì vậy, nhiều trường hợp nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa đã không được thực hiện đúng đắn và đầy đủ.

2.3.2. Giới hạn của việc xét xử (Điều 196 BLTTHS 2003)

Phạm vi xét xử sơ thẩm bị giới hạn bởi nội dung truy tố (cáo trạng) của VKSND và quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án (Điều 196 BLTTHS 2003). Chúng tôi cho rằng, để đáp ứng những nội dung và yêu cầu của nguyên tắc xét xử trực tiếp và xét xử bằng lời nói tại phiên tòa cần cho phép Tòa án xét xử bị cáo theo những tội danh nặng hơn tội danh mà VKSND truy tố và Tòa án đã có quyết định đưa ra xét xử.

2.3.3. Biên bản phiên tòa (Điều 200 BLTTHS 2003)

Quy định của BLTTHS 2003 về biên bản phiên tòa (Điều 200) còn quá sơ sài và còn thiếu một số nội dung quan trọng như: các ý kiến và yêu cầu của những người tham gia phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên

tòa; việc thư ký phiên tòa đọc công khai tại phiên tòa toàn bộ nội dung biên bản; về quyền được cung cấp biên bản phiên tòa và khiếu nại những nội dung không đúng của biên bản phiên tòa của những người TGTT.

2.4. CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM VÀ PHIÊN TÒA HÌNH SỰ PHỨC THẨM

2.4.1. Phiên tòa hình sự sơ thẩm

*** Thủ tục bắt đầu phiên tòa**

Thủ tục bắt đầu phiên tòa có ý nghĩa rất quan trọng, đảm bảo cho nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa có thể được thực hiện đầy đủ nhất. Tuy nhiên, Điều 194 và Điều 205 BLTTHS 2003 không có quy định về việc Tòa án sẽ phải hoãn hay tạm dừng phiên tòa, để triệu tập thêm nhân chứng; hoặc để thu thập, kiểm tra chứng cứ.

*** Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa**

Những nội dung và yêu cầu của nguyên tắc xét xử trực tiếp và xét xử bằng lời nói tại phiên tòa được thể hiện rất rõ nét trong các quy định về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa. Tuy nhiên, các quy định về trình tự xét hỏi là không đảm bảo đúng vị trí và vai trò của chức năng xét xử, cũng như chức năng thực hành quyền công tố của VKSND. Tuy nhiên, pháp luật cũng không thể xóa bỏ hoàn toàn quyền xét hỏi của HĐXX và dồn hết trách nhiệm xét hỏi cho các bên. Vấn đề là trình tự và cách thức mà HĐXX thực hiện việc xét hỏi phải đảm bảo sự khách quan, công bằng của chức năng xét xử, tránh việc HĐXX “độc diễn”, “lấn sân” làm thay công việc của bên buộc tội hoặc bên bào chữa.

Các quy định tại Điều 212 và Điều 213 còn mang tính chất tùy nghi; cũng như không ghi nhận quyền yêu cầu HĐXX xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ của những người tham gia phiên tòa.

*** Thủ tục tranh luận tại phiên tòa**

Trên cơ sở trực tiếp lắng nghe và quan sát quá trình tranh luận, HĐXX có sẽ có những “dữ kiện” cần thiết để xác định các tình tiết của vụ án và ra phán quyết giải quyết vụ án một cách đúng đắn và toàn diện. Đó chính là

những nội dung và yêu cầu cơ bản của nguyên tắc xét xử trực tiếp và nguyên tắc xét xử bằng lời nói tại phiên tòa.

Chúng tôi cho rằng, để bảo đảm tính chính xác và toàn diện trong việc xem xét các tình tiết mới mà bị cáo trình bày trong lời nói sau cùng, nên bổ sung quy định quay lại cả phần xét hỏi và tranh luận tại Điều 220 BLTTHS 2003.

*** Nghị án và tuyên án**

Quy định tại Điều 222 và Điều 223 đã đảm bảo nội dung và yêu cầu “*bản án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa*”; cũng như giúp cho tất cả các chứng cứ, tình tiết cần thiết cho việc giải quyết vụ án được thẩm tra trực tiếp và bằng lời nói tại phiên tòa. Tuy nhiên, BLTTHS 2003 không giới hạn thời gian nghị án tối đa nên một số HĐXX đã kéo dài bất hợp lý thời gian nghị án.

*** Bản án (Điều 224 BLTTHS 2003)**

Điều 224 BLTTHS 2003 quy định trong bản án, HĐXX chỉ phải phân tích “*những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định không có tội*”, không yêu cầu HĐXX phải phân tích các ý kiến và yêu cầu của những người tham gia phiên tòa. Do đó, nhiều HĐXX đã thiếu khách quan và công bằng trong việc xem xét, đánh giá các ý kiến và yêu cầu của những người tham gia phiên tòa, giảm sức thuyết phục của bản án.

2.4.2. Phiên tòa hình sự phúc thẩm

*** Phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm**

Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa vẫn là nguyên tắc chung của hoạt động xét xử tại phiên tòa phúc thẩm. Sự khác biệt lớn nhất thể hiện ở phạm vi xét xử. Nếu phạm vi xét xử sơ thẩm bị giới hạn bởi cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì xét xử phúc thẩm bị giới hạn trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị (Điều 241 BLTTHS 2003).

*** Phúc thẩm đối với quyết định sơ thẩm**

Đối với việc phúc thẩm các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, bị kháng cáo hoặc kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng phương pháp xét xử bút lục.

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

3.1. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

3.1.1. Những kết quả đạt được

Tại phiên tòa xét xử, nhiều HĐXX đã khắc phục được tư tưởng “án tại hồ sơ”, thực hiện đúng đắn và đầy đủ những nội dung và yêu cầu của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa, đảm bảo được sự chính xác, khách quan và toàn diện của hoạt động xét xử.

3.1.2. Những hạn chế

Việc thực hiện nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa, cũng như các quy định có liên quan còn tồn tại nhiều thiếu sót và hạn chế như: HĐXX mà chủ yếu là chủ tọa phiên tòa phải là người xét hỏi trước tiên và chủ yếu; nhiều HĐXX có cách thức xét hỏi mang tính áp đặt, phiến diện, không đầy đủ, hay có thái độ xét hỏi “qua loa, đại khái”; không coi trọng đúng mức việc lắng nghe và xem xét các ý kiến tranh luận; hoặc đã kéo dài một cách bất hợp lý thời gian nghị án.v.v...

3.2. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ VÀ VƯỚNG MẮC TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

3.2.1. Những nguyên nhân về lập pháp luật

Quy định tại Điều 184 và các quy định có liên quan trong BLTTHS 2003 còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết và bất cập như: Đã khiến HĐXX trở thành chủ thể có trách nhiệm chính trong việc xét hỏi, chứng minh sự thật khách quan của vụ án; nguyên tắc xét xử liên tục còn quá khái quát, chưa đầy đủ và không có quy định về việc tạm ngừng phiên tòa; v.v.

3.2.2. Những nguyên nhân về thi hành pháp luật

Nhiều HĐXX vẫn giữ tư tưởng “án tại hồ sơ”; Đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên và luật sư vẫn còn nhiều hạn chế; Hoạt động điều tra còn bộc lộ nhiều thiếu sót; Hiểu biết pháp luật của người dân còn thấp; Số lượng các vụ án mà Tòa án các cấp phải giải quyết là rất lớn và có xu hướng ngày càng tăng; Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động xét xử còn nhiều hạn chế.v.v...

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC XÉT XỬ TRỰC TIẾP, BẰNG LỜI NÓI VÀ LIÊN TỤC TẠI PHIÊN TÒA

3.3.1. Yêu cầu hoàn thiện nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa

Trước những bước phát triển mạnh mẽ của các điều kiện kinh tế, xã hội; diễn biến ngày càng phức tạp và nghiêm trọng của tình hình tội phạm; yêu cầu của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, thì những quy định pháp luật và quá trình áp dụng pháp luật liên quan đến nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết và vướng mắc. Do đó, việc tiếp tục hoàn thiện nguyên tắc này cả về mặt lập pháp và thực thi pháp luật là một yêu cầu cấp thiết hiện nay.

3.3.2. Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa

3.3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

3.3.2.1.1. Hoàn thiện quy định của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa (Điều 184 BLTTHS 2003)

Điều 184 BLTTHS 2003 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tòa án phải trực tiếp kiểm tra các chứng cứ bằng cách xét hỏi và nghe ý kiến của bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người làm chứng, người giám định, điều tra viên; xem xét vật chứng và nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào

chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Bản án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ và ý kiến đã được xem xét tại phiên tòa.

2. Việc xét xử phải tiến hành liên tục, trừ thời gian nghỉ và thời gian tạm ngừng phiên tòa. Các thành viên Hội đồng xét xử phải xét xử vụ án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc phiên tòa.

Trong trường hợp cần thiết, HĐXX có thể tạm ngừng phiên tòa nhưng không quá năm ngày làm việc. Nếu hết thời hạn tạm ngừng mà phiên tòa không thể tiếp tục thì vụ án được xét xử lại từ đầu, nhưng không được quá ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định tạm ngừng phiên tòa.”

3.3.2.1.2. Hoàn thiện các quy định có liên quan đến nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa

Thứ nhất: Hoàn thiện các quy định về quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

Bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 58 BLTTHS 2003 như sau:

“Các cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu giữ chứng cứ phải cung cấp chứng cứ theo đề nghị của người bào chữa. Trong trường hợp từ chối cung cấp chứng cứ cho người bào chữa, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cung cấp chứng cứ. Người bào chữa có quyền yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ.”

Đồng thời, cải cách thủ tục cấp giấy chứng nhận người bào chữa theo hướng đơn giản, nhanh chóng và quy định cụ thể về các trường hợp cơ quan THTT có quyền từ chối cấp giấy chứng nhận người bào chữa.

Thứ hai: Hoàn thiện các quy định liên quan đến sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa

Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến sự có mặt của những người TGT tại phiên tòa theo hướng: *“Trong trường hợp những người TGT vắng mặt lần thứ nhất và có lý do chính đáng, thì HĐXX phải hoãn hoặc tạm ngừng phiên tòa.”* Đồng thời, bổ sung quy định về sự có mặt của Điều tra viên tại phiên tòa.

Thứ ba: Hoàn thiện quy định về giới hạn xét xử

Sửa đổi, bổ sung Điều 196 BLTTHS 2003 như sau:

“Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi mà Viện Kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử.”

Thứ tư: Hoàn thiện quy định về biên bản phiên tòa

Sửa đổi, bổ sung Điều 200 BLTTHS 2003 như sau:

“1. Giữ nguyên

2. Những câu hỏi và những câu trả lời, ý kiến và yêu cầu đều phải được ghi vào biên bản.

3. Sau khi kết thúc phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải kiểm tra biên bản và cùng với thư ký phiên tòa ký vào biên bản đó. Thư ký phiên tòa công khai đọc toàn bộ nội dung biên bản phiên tòa.

4. Giữ nguyên.

5. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải cung cấp biên bản phiên tòa cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Những người này có quyền khiếu nại về nội dung của biên bản phiên tòa, trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày nhận được biên bản phiên tòa.

Việc giải quyết khiếu nại liên quan đến nội dung biên bản phiên tòa được giải quyết theo quy định tại chương XXXV của Bộ luật này.”

3.3.2.1.3. Hoàn thiện các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Thứ nhất: Hoàn thiện các quy định về thủ tục bắt đầu phiên tòa

Sửa đổi, bổ sung Điều 205 BLTTHS 2003 như sau:

“Chủ tọa phiên tòa phải hỏi Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng xem ai có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét hay không. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt, có yêu cầu triệu tập thêm nhân chứng, yêu cầu thu thập, kiểm tra chứng cứ, thì Hội đồng xét xử xem xét và quyết định tạm ngừng hoặc hoãn phiên tòa.”

Thứ hai: Hoàn thiện các quy định về thủ tục xét hỏi

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 207 BLTTHS 2003 như sau:

“2. Khi xét hỏi từng người, Kiểm sát viên hỏi trước rồi đến người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, sau đó đến chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán và Hội thẩm. Những người tham gia phiên tòa cũng có quyền đề nghị với chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Điều tra viên, người giám định được hỏi về những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra và việc giám định.

3. Khi xét hỏi, Hội đồng xét xử xem xét những vật chứng có liên quan trong vụ án. Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác có quyền yêu cầu HĐXX xem xét vật chứng và trình bày ý kiến của họ về các vật chứng có liên quan trong vụ án.”

Đồng thời, sửa đổi, bổ sung các quy định về hỏi bị cáo (Điều 209), hỏi người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ (210), hỏi người làm chứng (Điều 211) theo hướng như sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 207 nêu trên.

Mặt khác, cũng cần sửa đổi, bổ sung Điều 212 và Điều 213 BLTTHS 2003 như sau:

*** Điều 212. Xem xét vật chứng**

“1. Giữ nguyên

2. Hội đồng xét xử cùng với Kiểm sát viên, người bào chữa và những người khác tham gia phiên tòa đến xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được trong các trường hợp sau đây:

a. Ảnh hoặc biên bản xác nhận vật chứng không đúng quy định của pháp luật, không rõ ràng, đầy đủ hoặc mâu thuẫn với các chứng cứ khác.

b. Các trường hợp cần thiết khác.

Việc xem xét tại chỗ phải được lập biên bản theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật này.

2. Giữ nguyên

3. Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người khác tham gia phiên tòa có quyền yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét vật chứng theo quy định của Điều này.”

*** Điều 213. Xem xét tại chỗ**

“Hội đồng xét xử có thể cùng với Kiểm sát viên, người bào chữa và những người khác tham gia phiên tòa đến xem xét nơi đã xảy ra tội phạm hoặc những địa điểm khác có liên quan đến vụ án trong các trường hợp sau đây:

a. Ảnh hoặc biên bản khám nghiệm hiện trường về các địa điểm đó là không đúng quy định của pháp luật, không rõ ràng, đầy đủ, hoặc mâu thuẫn với các chứng cứ khác.

b. Các trường hợp cần thiết khác.

2. Quy định như Đoạn 2 và Đoạn 3 Điều luật hiện hành

3. Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người khác tham gia phiên tòa có quyền yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tại chỗ theo quy định của Điều này.”

Thứ ba: Hoàn thiện các quy định tại phần tranh luận tại phiên tòa

Sửa đổi, bổ sung Điều 220 BLTTHS 2003 như sau:

“Nếu trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày thêm tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án, thì Hội đồng xét xử phải quyết định trở lại việc xét hỏi và tranh luận. Sau khi xét hỏi và tranh luận xong, bị cáo nói lời sau cùng.”

Thứ tư: Hoàn thiện quy định liên quan đến nghị án và tuyên án

Bổ sung Điều 226a BLTTHS 2003 như sau:

“Thời gian nghị án không quá năm ngày làm việc; đối với vụ án có nhiều tình tiết phức tạp không quá 15 ngày làm việc và trong trường hợp đặc biệt cũng không được quá 30 ngày làm việc.”

Trước khi nghị án, chủ tọa phiên tòa phải thông báo công khai cho những người tham gia phiên tòa về thời gian tuyên án.”

3.3.2.1.4. Hoàn thiện các quy định liên quan đến nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa phúc thẩm

Thứ nhất: Hoàn thiện các quy định về sự có mặt của những người tham gia phiên tòa phúc thẩm

Sửa đổi, bổ sung Điều 245 BLTTHS 2003 như sau:

“1. Giữ nguyên.

2. Người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị được triệu tập tham gia phiên tòa. *Sự tham gia phiên tòa của những người khác do Tòa án cấp phúc thẩm quyết định, nếu xét thấy sự có mặt của họ là cần thiết. Nếu có người vắng mặt mà có lý do chính đáng thì Hội đồng xét xử phải tạm ngừng hoặc hoãn phiên tòa. Nếu người kháng cáo vắng mặt lần thứ nhất mà không có lý do chính đáng hoặc đã được triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết đối với kháng cáo của họ.*

Nếu người bị kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo vắng mặt lần thứ nhất không có lý do chính đáng hoặc đã được triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

3. Thời hạn tạm ngừng, hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này hoặc tại các điều 45, 46, và 47 của Bộ luật này không được quá năm ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định tạm ngừng phiên tòa và không quá ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa.”

Thứ hai: Hoàn thiện quy định về thủ tục phiên tòa phúc thẩm

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 247 BLTTHS 2003 như sau:

“1. Trong trường hợp Điều này và Phần thứ tư về xét xử phúc thẩm không có quy định khác, thì Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện các quy định tương ứng về phiên tòa sơ thẩm tại Chương XVIII, XIX, XX, XXI và XXII của Bộ luật này.

2. Khi bắt đầu phiên tòa, chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa phải hỏi những người tham gia tố tụng đã nhận được thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị và thông báo về việc đưa vụ

án ra xét xử trong thời hạn luật định hay chưa. Trong trường hợp có người tham gia tố tụng chưa nhận được thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị hoặc thông báo về việc đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật và nếu họ yêu cầu thì Hội đồng xét xử phải tạm ngừng hoặc hoãn phiên tòa.

3. Trước khi bắt đầu xét hỏi, một thành viên của Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung của kháng cáo, kháng nghị.

4. Sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, người kháng cáo hoặc kháng nghị có quyền phát biểu đầu tiên. Nếu có nhiều người cùng kháng cáo, kháng nghị thì trình tự phát biểu do Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

3.3.2. Kiến nghị về thực thi pháp luật

3.3.2.1. Những yêu cầu đối với HĐXX, Kiểm sát viên và người bào chữa khi thực hiện nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa

HĐXX phải phải xóa bỏ tư tưởng “án tại hồ sơ”; thực hiện đầy đủ nguyên tắc “suy đoán vô tội”, nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa; tôn trọng quyền bào chữa của bị cáo; tôn trọng kết quả của việc xét xử trực tiếp và bằng lời nói tại phiên tòa; tránh việc nghị án kéo dài một cách bất hợp lý; quán triệt và thực hiện triệt để nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; xóa bỏ tình trạng “án bỏ túi”, “chỉ đạo án” và “thình thị án”.v.v..

Mặt khác, Kiểm sát viên và người bào chữa cũng cần chủ động, tích cực tham gia xét hỏi và tranh luận, góp phần tạo nên tính dân chủ, bình đẳng, khách quan và toàn diện của hoạt động xét xử.v.v..

3.3.2.2. Nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức của Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên và người bào chữa

Tiếp tục phát triển đội ngũ này theo hướng: Đủ về số lượng, chuẩn hóa, tinh thông về chuyên môn, nghiệp vụ, có bản lĩnh và phẩm chất đạo đức và nghề nghiệp cao; xây dựng và hoàn thiện quy trình đào tạo cử nhân

luật học, cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; đổi mới việc tuyển chọn, bổ nhiệm các chức danh tư pháp; thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng với cán bộ tư pháp.v.v..

3.3.2.3. Một số kiến nghị khác

Đổi mới về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan THTT theo hướng tăng cường tính độc lập và phân định rõ hơn các chức năng trong TTHS; nâng cao hơn nữa chất lượng của hoạt động điều tra; hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc cho các cơ quan tư pháp; tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.v.v..

PHẦN KẾT LUẬN

Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa trong Luật TTHS Việt Nam là một đề tài có phạm vi nghiên cứu rộng, phong phú và phức tạp, có liên quan đến nhiều chế định khác của PLTTHS. Đến nay, có rất ít nhà khoa học và thực tiễn quan tâm nghiên cứu về đề tài này và vì vậy, rất nhiều vấn đề vướng mắc liên quan đến nguyên tắc này chưa được giải quyết một cách thỏa đáng. Trong luận văn, tác giả đã cố gắng phân tích và làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa trong Luật TTHS Việt Nam, từ đó rút ra một số kết luận như sau:

1) Nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa đã đề ra những phương pháp và cách thức xét xử khoa học, giúp cho HĐXX có thể xem xét, kiểm tra và đánh giá đúng đắn và đầy đủ các chứng cứ và các ý kiến tại phiên tòa, xác định chính xác và toàn diện các tình tiết của vụ án, ra được các phán quyết giải quyết vụ án một cách có căn cứ và hợp pháp; giúp cho những người TGTT có thể thực hiện đúng đắn và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ, bảo đảm tính dân chủ, khách quan và công bằng trong hoạt động xét xử tại phiên tòa.

2) Các quy định của BLTTHS 2003 về nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa, cũng như các quy định có liên quan là tương đối đầy đủ và chặt chẽ, có hệ thống, đã tạo nên những cơ sở pháp lý cần thiết cho hoạt động xét xử tại phiên tòa. Và chỉ có trên cơ sở tuân thủ những quy định này, thì việc xét xử của Tòa án mới có được sự chính xác, khách quan, toàn diện và đầy đủ, đảm bảo cho Tòa án ra được những bản án nghiêm minh, có căn cứ và đúng pháp luật.

3) Qua nghiên cứu các quy định của BLTTHS 2003 về nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa và các quy định có liên quan, cũng như liên hệ với thực tiễn thực thi pháp luật cho thấy, các quy định của pháp luật cần phải có những sửa đổi, bổ sung cho hoàn thiện hơn. Việc hoàn thiện pháp luật theo hướng:

- Xác định trách nhiệm chứng minh tội phạm luôn thuộc về các cơ quan THTT, trong đó có Tòa án. Tuy nhiên, HĐXX không thể chịu trách nhiệm chính trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án tại phiên tòa, mà đó còn là nhiệm vụ của Kiểm sát viên và là quyền của các bên buộc tội và bên gỡ tội. Do đó, các quy định của pháp luật cần phải phân định rõ hơn vị trí và vai trò của các chức năng xét xử, buộc tội và bào chữa tại phiên tòa; phải thể hiện được tính trung lập, khách quan và công bằng cần phải có của HĐXX; nâng cao trách nhiệm của Kiểm sát viên và người bào chữa trong việc buộc tội và bào chữa; tạo nên sự dân chủ và bình đẳng, khách quan và toàn diện trong việc chứng minh sự thật khách quan và giải quyết vụ án tại phiên tòa.

- Nâng cao hơn nữa nghĩa vụ, trách nhiệm của HĐXX trong việc tuân thủ nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa. Đồng thời, các quy định của pháp luật cũng phải tạo thêm những cơ sở pháp lý cần thiết, giúp HĐXX có thể độc lập và chủ động hơn trong việc trực tiếp kiểm tra và đánh giá các chứng cứ và ý kiến, xác định các tình tiết của vụ án tại phiên tòa.

- Đảm bảo tốt hơn nữa các quyền của những người TGTT, cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan THTT trong việc tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho những người TGTT thực hiện các quyền tố tụng của họ, nhất là quyền bào chữa của bị cáo.

Bên cạnh đó, luận văn cũng đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và yếu kém về thực thi pháp luật, để những nội dung và yêu cầu của nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói và liên tục tại phiên tòa sẽ được thực hiện đúng đắn và đầy đủ, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn xét xử, góp phần đấu tranh phòng và chống tội phạm có hiệu quả, bảo vệ vững chắc quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức và xã hội trong TTTHS.